

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MUỖI BỐN

(Bộ mới)

Số 111 (172), Tháng 6/2020

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TRẦN HỒNG QUÂN (Chủ tịch)

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

BÙI VĂN GA

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHÍ

TRẦN QUANG QUÝ

PHẠM MẠNH HÙNG

TRIỆU THẾ HÙNG

PHAN QUANG TRUNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

LÊ KHẮC HOAN

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

**P44, Số 4 Trịnh Hoài Đức, phường Cát Linh,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**

Điện thoại: 024-62946516 Fax: 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com

Website: www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

5/103/1 Nơ Trang Long, Phường 7, quận. Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-35513997

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 14/GP-BVHTT ngày 09/01/2006

Giấy phép cấp lại số: 349/GP-BTTTT ngày 14/03/2011

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC – CONTENTS

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI – RESEARCH & DISCUSSION

- 3 Tô Thị Nhung:** Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo để nâng cao chất lượng giảng viên hiện nay - Applying Ho Chi Minh's thought on teachers to improve the quality of lecturers in Vietnam today.
- 9 Nguyễn Trọng Khanh:** Vận dụng lý thuyết đa thông minh của Howard Gardner trong giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông - Applying the multi-intelligence theory of Howard Gardner in vocational education in high schools.
- 13 Lê Minh Tiến:** Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học, liên hệ với chương trình đào tạo chất lượng cao tại Trường Đại học Luật Hà Nội - Design learning outcomes for tertiary education curriculum, connecting to Advanced Training Curriculum at Hanoi Law University.
- 19 Lê Thị Phương - Mạc Phạm Đan Ly:** Giáo dục STEM trong dạy học Sinh học 8 - STEM education in teaching Biology 8.
- 25 Ngô Lê Quân:** Nghiên cứu ứng dụng sơ đồ tư duy trong đổi mới phương pháp dạy và học - Applying mind mapping in innovating teaching and learning methods.
- 31 Nguyễn Thị Ánh - Bùi Thị Thơm - Nguyễn Hoàng Trang:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học kết hợp - Application of information technology in blended learning.
- 35 Phạm Thị Phương Thức:** Áp lực học tập ở học sinh trung học phổ thông: hậu quả và giải pháp khắc phục - Academic pressure at high school students: Consequences and Solutions.
- 40 Vũ Thị Thủy - Lê Thị Thương Thương - Nguyễn Thị Hoa:** Phương pháp Reggio Emilia trong giáo dục trẻ mầm non - Reggio Emilia method in preschool education.
- 44 Hoàng Mạnh Tùng:** Bản chất của hoạt động giao tiếp trong văn chương - The nature of communication activities in literature.
- 48 Hoàng Ly Anh:** Khái niệm Điều ước quốc tế về môi trường - The concept of international environmental treaties.
- 54 Nguyễn Hồng Bắc - Ngô Thị Ngọc Ánh:** Gian lận thuế qua trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện - The current situation of tax evasion through custom value of imported goods in Vietnam today and measures to complete.
- 61 Trần Thu Trang:** Biện pháp kê biên quyền sử dụng đất để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - một số bất cập và giải pháp hoàn thiện - Measures to distraint land use rights to implement decisions to impose administrative penalties.
- 67 Trần Thị Liên:** Thủ tục tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi tại Việt Nam - so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức - Criminal procedures for persons under 18 years old in Vietnam - comparison with the criminal procedure legal republic of Germany.

- 74 Ngô Thị Vân Anh:** Tòa Gia đình và Người chưa thành niên trong việc bảo vệ quyền của trẻ em trong tố tụng hình sự - The family court's adjudication of cases involved in persons under 18 in protecting children's rights under criminal procedure.
- 80 Sin Thoại Khánh:** Hoàn thiện quy định về các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam trong dự thảo sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp 2014 - Certificate of business registration and other assestable valuable assets in Vietnam Dong in the Draft of amendment to the 2014 Enterprise Law.
- 87 Đoàn Quỳnh Thương:** Tác động của Hiệp định thương mại điện tử ASEAN 2019 đối với việc hoàn thiện quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng trong thương mại điện tử tại Việt Nam - Impacts of the ASEAN Agreement on electronic commerce on perfecting the regulations of protecting consumers' information of e-commerce in Vietnam.
- 92 Phạm Thị Đam:** Pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với lao động nữ di cư phi chính thức - Law on social insurance for female informal workers.
- 97 Hoàng Thị Lan Phương:** Hiệu lực pháp lý về không gian của văn bản quy phạm pháp luật - The spatial validity of legal documents.
- 100 Phạm Thị Bắc Hà:** Nội dung của hoạt động bảo vệ thường dân trong xung đột vũ trang được triển khai trong khuôn khổ Hội đồng bảo an Liên hợp quốc - The content of the protection of civilians deployed by Security Council.
- 107 Nguyễn Thị Thu Thoa - Phan Thị Hiền:** Quyền lực của pháp luật trong đời sống xã hội - The power of law in social life.
- 111 Đinh Đức Hợi - Hoàng Thị Tú - Phạm Thị Hoài Thu:** Cơ sở tâm lý học của việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non - Psychological basis of forming mathematical symbols for preschool children.
- 118 Cao Xuân Sáng:** Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên để xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay - Applying Ho Chi Minh's thought about young people into building the character of Vietnamese students today.
- 125 Mai Trung Sâm - Hoàng Việt Hà:** Phát triển con người theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam - Human Development based on the Vietnam Communist Party's viewpoint.
- 130 Nguyễn Trung Thành:** Phát triển văn hóa chất lượng để thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo đại học ngành Kiến trúc theo tiếp cận TQM tại Trường Đại học Xây dựng - Developing quality culture to ensure quality assurance of undergraduate training majoring architecture based on TQM at the National University of Civil Engineering.
- 136 Kiều Doãn Hà - Nguyễn Thị Thu Thủy - Trịnh Xuân Trường:** Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam - Researching criteria for assessing competitiveness of non-life insurance enterprises in Vietnam.
- 141 Phạm Văn Phương:** Lễ hội Anh hùng dân tộc Trần Văn Thành ở huyện Châu Phú, An Giang và các giá trị văn hóa của lễ hội - Tran Van Thanh national hero festival in Chau Phu District, An Giang and its cultural values.
- THỰC TIỄN GIÁO DỤC - EDUCATION FACTS**
- 146 Nguyễn Thị Linh Huyền - Hoàng Phúc:** Vận dụng nguyên tắc tính thực tiễn trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông - Applying the principles of practicality in teaching Civic Education in high schools.
- 150 Hoàng Thị Hương - Bùi Thị Kim Phụng - Lê Thị Thu Hương:** Dạy học Xướng âm cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư - Teaching tonic sol-fa for students majoring Preschool Education at Hoa Lu University.
- 156 Phạm Thị Thanh Mai:** Luyện kỹ thuật ngón tay trong dạy học Đàn phím điện tử cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở Trường Đại học Hoa Lư - Practice finger technique in teaching electronic keyboard for students majoring preschool education at Hoa Lu university.
- 161 Phạm Văn Hùng:** Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở Trường Đại học Hồng Đức giai đoạn 2015-2020 - một số kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra - Improving the quality of lecturers at Hong Duc University period 2015-2020 - Some achievements and issues raised.
- 166 Lê Thị Hương - Phạm Thị Hiền:** Lồng ghép tác phẩm văn học dân gian vào giảng dạy ngôn ngữ Tiếng Việt cho sinh viên Lào - Integrate folklore works into teaching Vietnamese language for Laos students.
- 173 Phạm Thị Thanh Thu:** Một số biện pháp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn - Some training measures towards the career title standards for teachers of all levels at Lang Son College of Education.
- 178 Nguyễn Thị Nghĩa - Nguyễn Văn Trai:** Kinh nghiệm của một số quốc gia về đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động và gợi ý đối với Đồng bằng sông Cửu Long - Experience of some nations on vocational training for labour export and policy implications for Mekong River Delta.
- GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI - OVERSEA EDUCATION**
- 183 Đâu Công Hiệp - Lê Thị Hồng Hạnh:** Pháp luật về viên chức trong lĩnh vực giáo dục ở Mỹ: kinh nghiệm cho Việt Nam - The law on educational staff in the United States of America: experience for Vietnam.

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ PHI CHÍNH THỨC

PHẠM THỊ ĐAM

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhận bài ngày 30/5/2020. Sửa chữa xong 05/6/2020. Duyệt đăng 07/6/2020.

Abstract

Female informal migrant workers are those who move from one region to another without a labor relationship or without a labor contract to 1 month or more. Therefore, when participating social insurance, they are mainly categorized to voluntary social insurance. Unlike compulsory insurance, voluntary social insurance is only entitled to two benefits, retirement and survivorship, while compulsory social insurance has up to five benefits. On the basis of analyzing the law provisions on social insurance for female informal migrant workers, the paper assesses the inadequacies of the law and proposing some solutions to improve the law on social insurance regarding female migrant workers in Vietnam.

Keywords: Female workers, migrant, non-official, social insurance, law.

1. Mở đầu

La động nữ di cư phi chính thức ở Việt Nam là lao động di cư (LĐDC) từ vùng này sang vùng khác để tìm kiếm việc làm và làm việc không có quan hệ lao động hoặc hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng trở lên. Vì không có hợp đồng lao động, không có quan hệ lao động nên họ không được pháp luật lao động bảo vệ và không được hưởng các quyền an sinh xã hội như lao động chính thức. Để bảo đảm quyền lợi cho người lao động di cư nói chung, đặc biệt là lao động nữ di cư phi chính thức thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội (BHXH) cho nhóm lao động này rất quan trọng và cần thiết, bởi đây là nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội. Chính sách về an sinh xã hội, mà đặc biệt là BHXH chưa thực sự đến được với đối tượng này.

2. Quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội cho lao động nữ di cư phi chính thức ở Việt Nam

Các quy định pháp luật về BHXH được hình thành từ năm 1946, tuy nhiên, từ năm 1995 mới được điều chỉnh, sửa đổi phù hợp với yêu cầu phát triển kinh-tế xã hội. Luật Bảo hiểm xã hội lần đầu tiên được ban hành vào năm 2006 (có hiệu lực năm 2007) và sửa đổi lần thứ nhất vào năm 2014, với nhiều quy định thay đổi phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, với đối tượng tham gia BHXH ngày càng mở rộng và các quyền lợi được hưởng.

Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định: *Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.*

Hệ thống pháp luật về BHXH của nước ta được quy định chủ yếu trong Bộ luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội, bao gồm 2 nhóm bảo hiểm cơ bản là: BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện. Người lao động nói chung, người lao động nữ di cư nói riêng, đều có quyền được tham gia BHXH.

Đối với bảo hiểm xã hội bắt buộc

BHXH bắt buộc là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao

động phải tham gia. Theo đó, khi tham gia BHXH bắt buộc người lao động trong đó có lao động nữ di cư phi chính thức được hưởng 5 chế độ bao gồm: Ốm đau; Thai sản; Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Hưu trí; Tử tuất.

Đối với BHXH tự nguyện: BHXH tự nguyện là loại hình VHXH do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. BHXH tự nguyện được triển khai thực hiện từ năm 2008 với 2 chế độ bảo hiểm là hưu trí và tử tuất nhằm bảo vệ người lao động khi hết tuổi lao động và khi chết. Có thể thấy, so với chế độ BHXH bắt buộc, người tham gia BHXH tự nguyện được hưởng ít quyền lợi hơn họ không được hưởng chế độ ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động.

Quy định về mức đóng BHXH tự nguyện: Điều 87, Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng BHXH tự nguyện cho người lao động như sau: Người lao động quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội, hàng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở tại thời điểm tương ứng. Đối với chế độ bảo hiểm tự nguyện, người lao động sẽ được hưởng hai chính sách cơ bản là hưu trí và tử tuất.

Người lao động có đủ hai mươi năm đóng BHXH trở lên được hưởng lương hưu khi nam đủ sáu mươi tuổi và nữ đủ năm mươi lăm tuổi. Trường hợp đã đủ tuổi hưởng hưu trí nhưng thời gian đóng BHXH còn thiếu so với thời gian quy định thì được đóng tiếp cho đến khi đủ hai mươi năm. Mức lương hưu hằng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH tương ứng với 15 năm đóng BHXH, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng BHXH thì tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75% (từ 2018 trở đi là 2% đối với cả nam và nữ).

Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện, Chính phủ đã ban hành các quy định hỗ trợ tham gia BHXH. Bắt đầu từ năm 2018, để khuyến khích người dân tham gia, Nhà nước sẽ hỗ trợ dựa trên chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn: Hộ nghèo được hỗ trợ 30%, hộ cận nghèo được hỗ trợ 25% mức đóng và 10% đối với những nhóm đối tượng còn lại khi tham gia BHXH tự nguyện [3]. Vậy, nếu lao động nữ di cư phi chính thức thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sẽ được nhà nước hỗ trợ tham gia BHXH tự nguyện với mức hỗ trợ là 30% đối với lao động thuộc hộ nghèo và 25% đối với lao động thuộc hộ cận nghèo, nếu không thuộc hai đối tượng này thì lao động nữ di cư phi chính thức khi đóng bảo hiểm tự nguyện sẽ được hỗ trợ 10% mức đóng.

Như vậy, quy định của pháp luật về BHXH ở nước ta phân theo hai nhóm đối tượng đóng bảo hiểm chính là bắt buộc và tự nguyện. Đối với lao động di cư nói chung và lao động nữ di cư phi chính thức nói riêng chủ yếu là đối tượng tham gia loại hình bảo xã hội tự nguyện. Bởi họ thuộc những người lao động không có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động bằng miệng dưới 01 tháng. Cho nên, chế độ bảo hiểm mà họ được hưởng nếu đáp ứng mức đóng và thời gian đóng theo luật BHXH thì sẽ được hưởng hai chế độ là hưu trí và tử tuất [5].

3. Những hạn chế của pháp luật về bảo hiểm xã hội cho lao động nữ di cư phi chính thức ở Việt Nam

3.1. Chưa có quy định pháp luật dành riêng cho lao động nữ di cư phi chính thức về BHXH. Loại BHXH mà đa số lao động nữ di cư phi chính thức tham gia là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Những quy định của pháp luật, khi gắn với tình trạng hợp đồng lao động, một bộ phận người lao động di cư bao gồm lao động nữ di cư phi chính thức đã bị loại trừ, mặc dù họ làm việc trong khu vực chính thức, không đủ điều kiện để tham gia BHXH bắt buộc (đồng nghĩa là không buộc chủ sử

dụng lao động thực hiện các nghĩa vụ về đóng BHXH cho người lao động). Nhiều lao động di cư nói chung và lao động nữ di cư phi chính thức nói riêng không được tham gia BHXH bắt buộc do không có hợp đồng lao động, hoặc chỉ có hợp đồng ngắn hạn dưới 01 tháng hoặc hợp đồng miệng dưới vỏ bọc hợp đồng dân sự. Bên cạnh đó, mức độ tuân thủ tham gia BHXH của các doanh nghiệp không cao, nhất là với khối doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Ngoài ra, còn có tình trạng hộ sản xuất kinh doanh có thuê lao động nhưng không ký hợp đồng lao động và không thực hiện nghĩa vụ về BHXH cho người lao động nhưng cơ quan quản lý nhà nước và ngành BHXH không theo dõi và quản lý được. Công tác thanh tra, chế tài xử phạt chưa nghiêm nên mức độ tuân thủ chưa cao [2].

3.2. Điều kiện đóng - hưởng về BHXH bắt buộc là khá dài dặc cho đối tượng lao động nữ di cư phi chính thức. Theo quy định, điều kiện thời gian đóng bảo hiểm tối thiểu phải là 20 năm mới được hưởng bảo hiểm hưu trí cũng gây khó khăn cho người lao động di cư, nhiều lao động tham gia làm việc tại doanh nghiệp khoảng 10- 15 năm thì vào độ tuổi 35 - 40 tuổi không có nhu cầu làm thuê hoặc bị doanh nghiệp sa thải khó kiếm việc làm tiếp [4]. Rất nhiều người lao động nữ di cư, sau một thời gian làm việc, có mong muốn trở về quê hương hoặc tự mình mở một cơ sở sản xuất nhỏ hoặc tự làm và như vậy, phải chuyển sang chính sách BHXH tự nguyện. Đây là một những cản trở rất lớn đối với người lao động nói chung, đặc biệt là lao động nữ di cư phi chính thức. Bên cạnh đó, việc qui định người lao động có thể được rút sổ tiền tham gia đóng BHXH khi chuyển việc đã khiến cho phần lớn người lao động sau khi làm việc ở khu vực chính thức, rút sổ tiền đóng ra hưởng một lần, đồng nghĩa với việc bắt đầu lại từ đầu nếu như họ tái tham gia BHXH và nguy cơ một bộ phận người lao động di cư sẽ gặp khó khăn về thu nhập khi hết độ tuổi lao động trong đó có lao động nữ di cư phi chính thức.

3.3. Các quy định về chế độ hưởng BHXH tự nguyện chưa hấp dẫn người lao động, đặc biệt là người lao động nữ di cư, nhiều người lao động di cư chưa tham gia BHXH tự nguyện. Nguyên nhân do quy định về chế độ hưởng BHXH tự nguyện chỉ gồm 02 chế độ là hưu trí và tử tuất, người lao động không có sự lựa chọn bổ sung thêm các chế độ khác. Mục tiêu này chỉ phù hợp một phần với nguyện vọng của người lao động di cư nói chung, lao động nữ di cư phi chính thức nói riêng. Mong muốn của đa số lao động di cư là chế độ BHXH tự nguyện cũng giống như chế độ BHXH bắt buộc gồm 5 chế độ hưởng lợi. Trong đó, đối với lao động nữ di cư phi chính thức việc đóng bảo hiểm tự nguyện không được hưởng chế độ thai sản là một thiệt thòi cho họ và đẩy họ vào tình trạng khó khăn hơn khi phải nghỉ sinh con mà không có sự hỗ trợ nào.

Theo kết quả khảo sát của Viện Khoa học lao động và xã hội năm 2017, 75% người đang tham gia BHXH tự nguyện muốn được bổ sung thêm chế độ ốm đau và tai nạn lao động; 75,5% muốn bổ sung chế độ thai sản; 68,8% muốn bổ sung chế độ bệnh nghề nghiệp và tử tuất hằng tháng. Đáng lưu ý là, trong số những người mong muốn bổ sung các chế độ ngắn hạn này thì tỷ lệ sẵn sàng tăng mức đóng để được hưởng chế độ rất cao: đạt 90% ở hầu hết các chế độ [7].

Bên cạnh đó, BHXH tự nguyện không có chế độ nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động như BHXH bắt buộc, trong khi điều kiện và môi trường làm việc của lao động di cư (đặc biệt là lao động nữ di cư trong khu vực phi chính thức) không tốt như khu vực chính thức, sức khỏe suy giảm nhanh hơn do cường độ và thời gian làm việc kéo dài, đặc biệt là nguy cơ bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp lớn nên rủi ro và sự suy giảm khả năng lao động cao và nhanh hơn so với lao động khu vực chính thức.

Tương tự như đối với BHXH bắt buộc, các quy định hiện hành của BHXH tự nguyện chưa tạo được cơ chế hấp dẫn về điều kiện độ tuổi hưởng chế độ hưu trí của BHXH tự nguyện là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng mới được hưởng lương hưu đã làm giảm đáng kể tính hấp dẫn của chế độ BHXH tự nguyện; các quy định pháp luật BHXH chưa phù hợp với lao động phi chính thức, với

quy định số năm đóng góp tối thiểu là 20 năm để được hưởng lương hưu thì nhóm lao động nam trên 45, nữ từ 40 tuổi trở lên mới tham gia sẽ khó có thể hưởng chế độ hưu trí khi đến tuổi nghỉ hưu, mặc dù đã cho phép đóng bù một số năm thiếu.

3.4. Việc qui định tham gia BHXH tự nguyện gắn liền với nơi đăng ký hộ khẩu hoặc đăng ký thường trú là cản trở lớn và giảm tính hấp dẫn, do nhiều lao động nữ di cư làm việc khu vực phi chính thức. Việc tuyên truyền, tiếp cận khách hàng, tư vấn, giải thích chế độ và chăm sóc khách hàng của BHXH tự nguyện còn rất nhiều hạn chế và kém hơn nhiều so với bảo hiểm thương mại, dẫn đến nhận thức về ý nghĩa và vai trò của bảo hiểm xã hội tự nguyện rất thấp. Phần lớn những người không muốn tham gia cho rằng chính sách BHXH tự nguyện không hữu ích cho chính họ, và họ khó được nhà nước hỗ trợ trong đóng bảo hiểm.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm xã hội cho lao động nữ di cư phi chính thức ở Việt Nam hiện nay

4.1. Cần có quy định pháp luật về BHXH đặc thù cho nhóm lao động nữ di cư phi chính thức nói riêng và lao động di cư phi chính thức nói chung. Hiện nay ở Việt Nam không có quy định luật pháp dành riêng về BHXH cho lao động di cư phi chính thức [6]. Các quy định pháp luật đều điều chỉnh chung cho người dân và một số nhóm được ưu tiên như người nghèo, người sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số... Rất nhiều người lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức mà phần lớn khu vực này vẫn nằm ngoài phạm vi bao phủ của pháp luật lao động chưa có chính sách hỗ trợ.

4.2. Quy định về thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho lao động nữ di cư phi chính thức cần linh hoạt hơn. Bởi đặc thù công việc của đối tượng lao động này là việc làm bấp bênh, nặng nhọc, điều kiện làm việc không đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động như lao động chính thức. Chính vì thế, khả năng lao động nhanh bị suy giảm [2]. Họ có thể chỉ tham gia vào lao động trong một thời gian ngắn 10-15 năm sau đó trở về quê sinh sống. Vì vậy, cần có nhiều lựa chọn hơn cho nhóm đối tượng lao động này để khuyến khích họ tham gia vào BHXH.

4.3. Về quyền tiếp cận BHXH, cần mở rộng chế độ hưởng BHXH tự nguyện. Mặc dù quy định tham gia đối tượng BHXH bắt buộc đã mở rộng cho lao động có hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, tuy nhiên lao động không có hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 1 tháng vẫn không thuộc phạm vi của quy định này, vì vậy lao động di cư làm việc tại khu vực chính thức, phi chính thức mà không ký hợp đồng lao động theo quy định thì cũng không được tham gia BHXH bắt buộc. Chế độ BHXH hiện nay không hấp dẫn với người lao động di cư nói chung lao động nữ di cư phi chính thức nói riêng, trong khi đó hai chế độ ngắn hạn là thai sản và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lại không được bao phủ trong bảo hiểm tự nguyện. Đây cũng là một khoảng trống của pháp luật cần được xem xét lại để đảm bảo người lao động nữ di cư được tiếp cận toàn diện các quyền an sinh xã hội cơ bản (trong đó có quyền an sinh khi làm việc và quyền thai sản).

4.4. Quy định đóng BHXH tự nguyện gắn liền với nơi đăng ký hộ khẩu thường trú vẫn là cản trở lớn và giảm hấp dẫn của chế độ do nhiều người lao động nữ di cư làm việc ở nơi đến, mà nơi đến họ chỉ có giấy tạm trú tạm vắng, không thể tham gia. Mặc dù, hiện nay cơ quan BHXH đã cho phép người lao động đóng qua tài khoản ngân hàng và bưu điện. Tuy nhiên do trình độ học vấn của nhiều lao động còn thấp, khả năng tiếp cận bưu điện và ngân hàng của lao động nữ di cư còn hạn chế nên phương pháp tham gia này vẫn chưa phù hợp với họ.

5. Kết luận

Cần mở rộng quyền lợi BHXH tự nguyện hiện nay nhằm đảm bảo việc đóng góp và thụ hưởng BHXH công bằng đối với người lao động phi chính thức (bao gồm lao động tự làm, lao động gia đình không được trả công, lao động trong các doanh nghiệp phi chính thức và hợp tác xã và lao

động hợp đồng miệng hoặc hợp đồng ngắn hạn trong khu vực chính thức). Nhà nước cần mở rộng các chế độ của BHXH tự nguyện giống như BHXH bắt buộc, thay vì theo quy định hiện hành chỉ có hai chế độ hưu trí và tử tuất, bởi những chế độ ngắn hạn như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp rất thiết thực đối với người lao động nữ di cư phi chính thức. Hệ thống pháp luật lao động hiện hành hầu như chưa bao phủ tới đối tượng lao động nữ di cư phi chính thức, ngoại trừ nhóm lao động giúp việc gia đình, trong khi việc làm bấp bênh, thu nhập không ổn định, và các rủi ro như ốm đau, tai nạn luôn rình rập họ. Do vậy, Nhà nước nên xem xét hỗ trợ một phần kinh phí để người lao động phi chính thức tham gia được BHXH.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tổng cục Thống kê, *Báo cáo điều tra lao động việc làm quý 3 năm 2016*, Hà Nội, 2016.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tổng cục Thống kê, *Báo cáo phân tích giới - Số liệu thống kê về giới ở Việt Nam 2000-2010*, Hà Nội, 2012.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Nghị định Số 5237/VBHN-BLĐTBXH Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*, Hà Nội, 2018.
4. Đỗ Ngân Bình, *Bảo vệ quyền lợi của lao động nữ theo Công ước quốc tế về xóa bỏ hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và pháp luật lao động Việt Nam*, Tạp chí Luật học, 2006, tr. 76-77.
5. Lê Thị Hoài Thu, *Bảo đảm quyền con người trong pháp luật lao động Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.
6. Lương Thị Thủy, *Pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, an sinh xã hội của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Luật học tháng 2/2008, tr. 70-72.
7. Viện Khoa học Lao động và Xã hội, *Khảo sát lao động phi chính thức*, Hà Nội, 2017.

TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ASEAN 2019...

Tiếp theo trang 91

(iv) Bổ sung quy định về quyền của người tiêu dùng - chủ thể thông tin cá nhân đối với việc cung cấp và bảo mật thông tin cá nhân của mình như quyền được nhận xác nhận từ nhà quản lý thông tin về việc nhà quản lý có lưu trữ thông tin cá nhân của họ hay không, quyền được trao đổi với nhà quản lý thông tin (sau khi đã cung cấp thông tin cá nhân của mình)...

(v) Bổ sung quy định trực tiếp và cụ thể về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới thông tin cá nhân, trong đó các biện pháp chế tài xử lý vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân phải phù hợp với mức độ thiệt hại từ việc thu thập hoặc sử dụng thông tin cá nhân trái phép;

(vi) Bổ sung quy định chế tài đối với chủ thể làm lộ thông tin cá nhân để nâng cao trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân khi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng.

Tài liệu tham khảo

1. Hiệp định thương mại điện tử ASEAN 2019.
2. Bản kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng ASEAN năm 2015 (AEC Blue prints 2015).
3. Bản kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng ASEAN năm 2025 (AEC Blue prints 2025)
4. Bộ luật Dân sự năm 2015.
5. Bộ luật Hình sự năm 2017.
6. Luật Giao dịch điện tử năm 2005.
7. Luật Công nghệ thông tin 2006.
8. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.
9. Luật An toàn thông tin mạng năm 2015.
10. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
11. Chính phủ, *Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 Chính phủ về thương mại điện tử*.
12. Chính phủ, *Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.
13. Chính phủ, *Nghị định số 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.